

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2025

*"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiêng

Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 28/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐ – HPT ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Điện Biên giữa:

Nguyên đơn: Chị Mùa Thị Í

Địa chỉ: Bản L, xã M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

Bị đơn: Anh Hù A C;

Địa chỉ: Bản L, xã M, tỉnh Điện Biên, hiện anh C đang chấp hành án tại Đội 27, phân trại số A, Trại giam N (Xã N) tỉnh Điện Biên, vắng mặt lần 2, không có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2025, bản tự khai, nguyên đơn chị Mùa Thị Í trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H A C qua tự nguyện tìm hiểu đã tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã M, Thành phố Đ (Nay là xã M), tỉnh Điện Biên vào ngày 31/10/2017. Sau khi kết hôn, chị Í và anh C chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vì tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh C nghiện ma túy mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần song không được. Anh C đã bị Công an bắt và hiện đang chấp hành án tại Đội 27, phân trại số A, Trại giam N (Xã N) tỉnh Điện Biên. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Chị Í, anh C có 02 con chung là cháu Hù Ngọc Q, sinh ngày 19/02/2015 và Hù A C1, sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay hai cháu đều do chị Í trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao hai cháu cho chị Í trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Í không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án ngày 12/5/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã gửi công văn số 62/CV-TA ngày 12/5/2025, đề nghị Trại giam N tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh C. Tại bản tự khai ngày 06/8/2025 có xác nhận của Trại giam N, anh C thừa nhận về quan hệ hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu và có tiến hành đăng ký kết hôn như chị Í trình bày. Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn là do anh nghiện ma túy, năm 2022 bị bắt và bị xử 07 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” hiện đang chấp hành án. Tuy nhiên anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Í

Về con chung anh thừa nhận có hai con chung như chị Í trình bày. Anh nhất trí để chị Í chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh T thừa nhận về quan hệ sản và công nợ, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/8/2025 tại Trại giam N, chị Í vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản, anh C có quan điểm như bản tự khai ngày 06/8/2025.

Ngày 26/8/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Điện Biên mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Điện Biên và đã tổng đạt hợp lệ cho anh C, tuy nhiên anh C chưa có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, điều 235 Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 28/8/2025 chị Í vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, bản tự khai, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Mùa Thị Í và anh H A C lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2017. Đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh C vắng mặt lần 2, không có đơn xin xét xử vắng mặt: HĐXX căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị Í và anh H A C lấy nhau có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị Mùa Thị Í đối với anh H A C, HĐXX xét thấy: Qua lời khai của chị Í, sự thừa nhận của anh C và tại đơn đề nghị ngày 29/7/2015 của chị Í có xác nhận của chính quyền địa phương đủ cơ sở khẳng định: Chị Í, anh C lấy nhau là tự nguyện và có tiến hành đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không tu chí làm ăn, chăm lo cuộc sống, xây dựng gia đình tiến bộ và hạnh phúc, anh C đã nghiện ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam N không thể đem lại hạnh phúc cho chị Í. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình cảm gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không còn nữa, quan hệ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Í xin ly hôn với anh C, anh C không nhất trí cũng cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] **Xét nguyện vọng về con chung của chị Í:** Chị Í có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung khi ly hôn. Hiện cả hai cháu đang ở với chị Í, anh C đang chấp hành án tuy anh không nhất trí ly hôn nhưng cũng nhất trí giao con cho chị Í chăm sóc nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hù Ngọc Q và Hù A. Do vậy khi ly hôn việc giao hai con chung cho chị Í tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao hai cháu: Hù Ngọc Q, sinh ngày 19/02/2015 và Hù A C1, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Mùa Thị Í trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Í không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. **Về quan hệ tài sản:** Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chấp nhận việc chị Mùa Thị Í và anh H A C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Mùa Thị Í phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Mùa Thị Í được ly hôn với bị đơn anh Hồ A C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hồ Ngọc Q, sinh ngày 19/02/2015 và Hồ A C1, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Mùa Thị Í trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Í không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chấp nhận việc chị Mùa Thị Í và anh Hồ A C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Mùa Thị Í phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Í đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Điện Biên) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14 ngày 20/5/2025, chị Mùa Thị Í đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Mùa Thị Í được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/8/2025), bị đơn anh Hồ A

C được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 1 - ĐB;
- THA Dân sự tỉnh;
- UBND xã Mường Phăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý A Thu Lò Thị Thiêm

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Kiên Lò Văn Ôn

Lê Đình Hà

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của anh
Anh Dương Xuân L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

{6} Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân V. Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về sự vắng mặt của người làm chứng: Phiên tòa ngày 27 và 28/12/2018 chỉ có anh D, chị L2, chị L có mặt. Ông Bùi Quang M, anh L1, anh Y, ông Hà Văn K, anh Phạm Văn K1 vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, HĐXX tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung (Bỏ)

Khoản 2 Điều 71; Điều 72; Điều 218, khoản 2 Điều 219, Điều 273 và khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Căn cứ Điều 27 và Điều 32 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều: Điều 27; Điều 37; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 176 BLDS năm 1995, khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, 167, 170 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư pháp ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a, b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA **HỘI THẨM**

Bạc Thị Kiên

Lê Đình Hà

Lò Văn Thương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Ý kiến ông Vũ Tân C2: Đối với hồ sơ cấp đất năm 2001 cho hộ ông Vương Quốc K2 vẫn phòng không có hồ sơ lưu. Đối với việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 cho anh Vương Văn K3 là do hợp thửa 314 và 327, không thể hiện số diện tích mua của anh Lò Văn Y, bởi đất anh Lò Văn Y là đất lúa (Đưa vào phần nhận định)

Người làm chứng: Lò Văn Y, Lò Văn L1, Ông Hà Văn K, anh Phạm Văn K1 đều xác nhận và cam đoan tại bản tự khai có việc mua bán chuyển nhượng viết tay với ông Vương Quốc H1 về thời gian bán, số tiền mua bán chuyển nhượng và diện tích mua bán như lời khai của anh K3 và ông H1, việc mua bán đã hoàn thành, đất trên đã làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất mang tên anh K3, đều không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn đề nghị, ý kiến của anh Vương Văn K3, chị Nguyễn Thị V1, Tòa án quyết định đưa ông Vương Quốc H1 - Bà Ngô Thị M1, Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Đ, ông Nguyễn Xuân V, Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Đ, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, anh Phạm Văn Đ, chị Bùi Thị Thúy V2 với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đưa ông Hà Văn K, anh Phạm Văn K1, anh Lò Văn L1, Lò Văn Y, anh Vương Quốc Đ1, anh Vương Minh D, chị Vương Thị L2, chị Vương Thị Kim L3 và ông Bùi Quang M với tư cách là người làm chứng trong vụ án

Đối với diện tích đất ông H1 khai: Được chia năm 1995 là 1.000m², mua của ông Hà Văn K 500m², mua của ông Phạm Văn K1 500m², khai phá thêm 205 m². Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 là 2000m². Sau đó anh K3 bán cho ông H2 112m², bán cho bà H3 110m². Mua lại của ông L1 (anh trai ông Y là 600m². Thực tế diện tích đất hiện đã trao đổi mua bán và khai phá thêm là $2000\text{m}^2 - 222\text{m}^2 + 600\text{m}^2 + 205\text{m}^2 = 2.583\text{m}^2$, lớn hơn so với diện tích đất hiện có là 2.205m²

Chị V2 cũng khai: ông H1 cho 1000², mua lại của ông Hùng 1000m². Sau đó anh chị bán cho ông H2 112m², bán cho bà H3 110m². Mua lại của Lò Văn L1 (ông Y 600 m². Thực tế diện tích đất hiện đã trao đổi mua bán là 2000 m² - 222m² + 600 m² = 2.378 m² lớn hơn so với diện tích đất hiện có sau khi cấp đổi sổ là 2.205m²

Diện tích đất đang chênh lệch này ông H1 và anh K3 cho rằng phần khai phá thêm 205 m² là đất thuộc hàng lang suối liền kề thửa đất nên không thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần mua thêm 600 m² của Lò Văn L1 (Lò Văn Y) thì khi mua cả hai không tiến hành đo đạc. Còn thủ tục chuyển nhượng từ ông Lò Văn L1 sang tên anh K3 do anh L1 có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng, cụ thể diện tích đo đạc thế nào và hợp đồng ra sao cả hai không nắm được, sau này anh và ông H1 mới biết thực tế diện tích chuyển nhượng theo đo đạc của địa chính là 556 m² chứ không phải 600 m² khi hai bên viết giấy chuyển nhượng tay với nhau không có sự chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng năm 2013 khi cấp đổi sổ, địa chính đã đo vẽ lại nên chỉ có diện tích đất như hiện tại. Do anh K3 không hợp tác trong việc thẩm định tại chỗ lần 2 và lần 3 nên không có căn cứ để xác định diện tích đất thực tế hiện có so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Tuy nhiên cả hai anh chị và ông H1 đều khẳng định khi xin cấp đổi GCNQSDĐ cán bộ địa chính đã đo vẽ lại đúng diện tích đất đang sử dụng và đúng với kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ lần 1 của Tòa án. Anh, chị không mua, bán hay khai phá thêm nên đây là chứng cứ không cần chứng minh.

